TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 218/2021/DS-PT
Ngày: 09/03/2021
V/v: Tranh chấp đòi tài sản
là quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các Thẩm phán: 1. Bà Đỗ Thị Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Võ Quỳnh Ngọc - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Vĩnh Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 599/2020/TLPT-ST ngày 19/11/2020 về việc "Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 471/2020/DS-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2021/QĐPT-DS ngày 02/02/2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm 1958

Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1958

Đại diện theo ủy quyền của ông T là bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1987 (Giấy ủy quyền ngày 13/9/2020). (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Đường C, Phường X, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1976. (Có mặt)

Địa chỉ: đường L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Đặng Gia H, sinh năm 1978 – Luật sư Công ty Luật Hợp Danh Hòa Phát và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

3/Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Tô Văn N, sinh năm 1928

Đại diện theo ủy quyền: Ông Tô Văn T, sinh năm 1978 (Giấy ủy quyền ngày 24/3/2020). (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường X, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1992. (Vắng mặt)

3/ Bà Phạm Thị T, sinh năm 1987.(Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh T và chồng là ông Hoàng Ngọc T trình bày: Ngày 07/5/1998 ông bà ký Tờ hợp đồng xin được chuyển quyền sử dụng đất với ông Tô Văn N, diện tích đất 73,8m^2, thuộc thửa đất số 295, tờ bản đồ 16 Bộ địa chính xã H, huyện C (theo tài liệu 02/CT-UB) thửa 524 thuộc thửa 36, một phần 37 tờ bản đồ số 112 (theo tài liệu đo năm 2005), phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Tờ Hợp đồng này đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện C xác nhận vào ngày 31/8/1999. Ngày 29/9/2009 vợ chồng bà đã được Ủy ban nhân dân quận T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 941866, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01156/Bình Hưng Hòa A, diện tích đất trên Giấy chứng nhận là 73,6m^2.

Khi nhận chuyển nhượng thì phần đất trên nằm trong khu đất rộng của ông Tô Văn N và không có đường đi, vợ chồng bà cũng chưa có nhu cầu sử dụng. Năm 2006 vợ chồng bà tiến hành thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà T đã yêu cầu Công ty TNHH đo đạc Xây dựng Thương mại T đo đạc phần đất. Theo bản đồ hiện trạng vị trí đã được kiểm tra nội nghiệp ngày 22/5/2006 thể hiện phần đất có diện tích 73,6m^2 thuộc một phần thửa 295, tờ bản đồ 16 Bộ địa chính xã H, huyện C (theo tài liệu 02/CT-UB), thuộc trọn thửa 36, một phần thửa 37, tờ bản đồ số 112, phường A, quận T (theo tài liệu đo năm 2005), hiện trạng trên đất là đất trống, khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận bà đã làm đúng thủ tục nhà nước quy định, phòng địa chính của phường có xuống đo đạc, xác minh phần đất của bà có lấn ranh của ai không và đã niêm yết ở phường 45 ngày theo quy định.

Thời gian sau vợ chồng bà có đến Ủy ban quận T làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng từ đất phi nông nghiệp lên đất thổ cư để xây dựng nhà ở, nhưng được Ủy ban trả lời bằng Công văn số 1183/UBND-QLĐT ngày 06/04/2012 là đất thuộc khu quy hoạch lưới điện và cây xanh. Do chủ quan nên vợ chồng bà không thường xuyên lên xuống kiểm tra khu đất.

Đến đầu năm 2018 vợ chồng bà phát hiện phần đất của mình đã bị ông Phạm Mạnh H chiếm dụng xây dựng trái phép 01 căn nhà trên phần đất của ông bà và cho người khác thuê một tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để kinh doanh. Sau đó vợ chồng bà có làm đơn gửi lên phường để giải quyết, phường đã tổ chức hòa giải 02 lần nhưng ông H không chịu trả lại đất. Vợ chồng bà làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhưng các lần hòa giải tại Trung tâm hòa giải, đối thoại và tại Tòa án ông H đều không đồng ý trả lại đất.

Nay vợ chồng bà yêu cầu ông Phạm Mạnh H trả lại thửa đất số 524 tờ bản đồ số 112 thuộc thửa 36 một phần thửa 37, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 941866, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01156/Bình Hưng Hòa A do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/09/2009 cho vợ chồng ông bà.

Ngày 29/05/2020 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc ông H trả số tiền 300.000.000 đồng mà ông H chiếm dụng đất để cho thuê trong 05 năm.

Bà Nguyễn Thị M là đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Ngọc T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của bà T, không bổ sung gì thêm.

2/ Bị đơn Phạm Mạnh H trình bày:

Ngày 05/9/2001 ông có mua đất của ông Tô Văn N, hai bên mua bán bằng giấy tay. Phần đất của ông thuộc một phần thửa 295 tờ bản đồ 16 Bộ địa chính xã H, huyện C (theo tài liệu 02/CT-UB), nay thuộc một phần thửa 34 và thửa 35, tờ bản đồ số 112 (theo tài liệu đo năm 2005), phường A, quận T. Tại thời điểm đó ông Năng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 212.QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24/4/1995. Năm 2003 ông cất nhà, đến ngày 09/01/2007 ông được cấp số nhà tại đường L phường A, quận T, ngày 03/12/2007 gia đình ông được cấp sổ hộ khẩu và đã sử dụng ổn định gần 20 năm nay, đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Theo ông thì ông T và bà T có sự nhầm lẫn về vị trí thửa đất tranh chấp, cụ thể phần đất thuộc quyền sử dụng của ông T và bà T theo Giấy chứng nhận đã được cấp nằm trọn thửa 36 và một phần thửa 37, còn phần đất thuộc quyền sử dụng của ông nằm kề bên thuộc một phần thửa 34 và thửa 35 tờ bản đồ số 112 (theo tài liệu đo năm 2005). Như vậy ông T bà T đã kiện nhầm đối tượng và nhầm người. Do vậy ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xem xét lại vị trí thửa đất của hai bên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Tô Văn N trình bày:

Ông là chủ sử dụng đất tại thửa 295 tờ bản đồ số 16 (theo tài liệu 02/CT-UB) và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp Giấy chứng nhận số 212/QSDĐ ngày 24/04/1995, giấy chứng nhận trên đã bị thu hồi do biến động. Thửa đất tranh chấp trên ông chỉ bán cho ông Hùng và ông chỉ nhận tiền của người này, ngoài ra ông không chuyển nhượng cho ai khác. Tại thời điểm đó ông Hùng có đề nghị ông ký vào nhiều tờ Hợp đồng xin chuyển quyền sử dụng đất theo mẫu có sẵn. Trên mẫu Hợp đồng ông có ghi họ và tên

ông là Tô Văn N, sinh năm 1928 và vợ là Lại Thị L sinh năm 1939, địa chỉ thường trú ấp 5 xã H, không có ghi rõ từng lô đất trên giấy hợp đồng xin chuyển quyền sử dụng đất, tất cả các tờ Hợp đồng ông đều ghi rõ ràng, không có xóa sửa trên nội dung đã ghi.

Tờ Hợp đồng xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 05/09/2001 với ông Phạm Mạnh H, sinh năm 1976, ông xác định chữ ký và chữ viết ở phần bên chuyển nhượng là không phải của ông vì tất cả các Hợp đồng ông đã đều tự điền bằng chữ viết tay của ông và không có tẩy xóa. Ông xác nhận rằng ông với ông Phạm Mạnh H không có mua bán đất với nhau.

- Ông Nguyễn Hữu P và bà Phạm Thị T trình bày: Ông bà là vợ chồng cùng với 02 đứa con là Nguyễn Phạm Thiên P và Nguyễn Phạm Thiên T là người ở nhờ nhà của ông Phạm Mạnh H. Việc tranh chấp giữa ông Thiện bà T và ông H ông bà không có ý kiến và khiếu nại gì nên xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản án số 471/2020/DS-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân Bình Tân đã tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Ngọc T và Nguyễn Thị Ánh T.

Buộc ông Phạm Mạnh H, ông Nguyễn Hữu P và bà Phạm Thị T cùng những người đang ở nhờ trong căn nhà tại đường L, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, phải trả lại cho ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ánh T phần đất thửa 524 thuộc thửa 36, một phần 37, tờ bản đồ số 112 (tài liệu đo năm 2005), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 941866, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 01156/Bình Hưng Hòa A do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 29/09/2009. Thực hiện ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về căn nhà tường gạch mái tôn sàn lát gạch hoa tại đườngL, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, ông Phạm Mạnh H được quyền tháo gỡ mang đi để trả lại đất trống cho ông Thiện và bà T.

3. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ánh T về việc yêu cầu ông Phạm Mạnh H phải trả lại số tiền 300.000.000 đồng do chiếm dụng phần đất cho thuê, vì nguyên đơn rút yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Mạnh H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Thiện bà T (cùng sinh năm 1958) thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Ngoài ra án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/10/2020 ông Phạm Mạnh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 28/10/2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có kháng nghị số 11310/QĐ-VKS- DS đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên kháng nghị số 11310/QĐ-VKS- DS ngày 28/10/2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút đơn kháng cáo.

- Luật sư của ông Phạm Mạnh H trình bày nội dung kháng cáo:

Hai thửa đất của ông H và của bà T là hai thửa khác nhau. Ông H mua đất của ông N và xây nhà từ năm 2003. Năm 2007 được cấp số nhà và nhập hộ khẩu, gia đình ở ổn định gần 20 năm nay không ai tranh chấp. Đất của bà T được cấp giấy chứng nhận năm 2009 lại ghi là đất trống. Thửa đất của bà T cấp giấy chứng nhận trên cơ sở là bản vẽ năm 2006 là thửa số 36, 37 theo tài liệu năm 2005 trong khi thửa đất của ông đang ở là thửa số 35, 36 theo tài liệu năm 2005. Như vậy thửa đất cấp cho bà T không phải là thửa đất hiện ông H đang ở, Uỷ ban nhân dân Quận T có sự nhầm lẫn khi cấp sổ cho bà T. Đề nghị xem xét lại toàn bộ tình tiết của vụ án, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

Ông H trình bày: Xin giám định chữ ký và chữ viết tên của ông Nguyễn Văn N trong tờ mua bán giấy tay ngày 05/09/2001. Bản chính hiện nay ông đang giữ.

- Đại diện của ông Thiện và bà T không đồng ý nội dung kháng cáo của ông H vì đất ông bà mua của ông Năng từ năm 1999 và đã được Uỷ ban nhân dân xã xác nhận từ thời điểm mua bán, đã được Uỷ ban cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất từ năm 2009. Ông H chiếm đất trái phép xây nhà không được sự đồng ý của gia đình ông nên buộc ông và gia đình phải trả lại toàn bộ diện tích đất như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phần tranh luận:

Luật sư của ông H trình bày: Quá trình chuyển nhượng và sử dụng phần đất của ông H với ông Năng là có thật nên mới làm nhà và ở ổn định 20 năm nay không có tranh chấp và được cấp số nhà, sổ hộ khẩu. Thửa đất cấp trong giấy chứng nhận của bà T không phải là thửa đất ông H đang ở. Đề nghị cho giám định chữ ký, chữ viết của ông Năng tại giấy mua bán ngày 05/09/2001 để đảm bảo quyền lợi của ông. Bản vẽ để cấp giấy cho nhà bà T năm 2006 không phải là thửa ông H đang ở. Đây là hai thửa hoàn toàn khác nhau. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của ông H.

Đại diện của ông Thiện và bà T trình bày: Ông bà mua đất hợp pháp của người thân đã được ông Năng thừa nhận và ký giấy mua bán trực tiếp có xác nhận của Uỷ ban nhân dân xã và đã được Uỷ ban nhân dân Quận T cấp giấy chứng nhận từ năm 2009. Do gia đình chủ quan không trông coi đất nên để ông H xây dựng trái phép nhiều năm, đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của ông H, y bản án sơ thẩm.

Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: Các đương sự không có ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Toà cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ, đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông H làm trong hạn luật định. Kháng nghị số 11310/QĐ-VKS- DS ngày 28/10/2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định.

Xét nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm chưa làm rõ số thửa trong Giấy chứng nhận cấp cho bà T và số thửa đo hiện hữu thửa đất nhà ông H đang ở. Nhà ông H tự xây cất năm 2003 và được cấp số nhà năm 2007 trong khi bản vẽ để cấp giấy chứng nhận cho Bà T lại ghi hiện trạng là đất trống. Căn cứ bản vẽ cấp giấy chứng nhận cho bà T và bản vẽ hiện tại nhà ông H đang ở hoàn toàn hai số thửa khác nhau, cấp sơ thẩm chưa làm rõ hiện nay thửa 36-37 là ở vị trí nào? Mặt khác ông Năng không thừa nhận chữ ký trên giấy mua bán ngày 05/9/2001và tại phiên tòa hôm nay ông H xin giám định chữ ký tên Nguyễn Văn Năng trong giấy mua bán tay này. Cần làm rõ những vấn đề trên, cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ nên cấp phúc thẩm không khắc phục được. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015 hủy bản án sơ thẩm trả hồ sơ cho tòa án sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, của Luật sư, của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét đơn kháng cáo và thời hạn đóng án phí của ông Phạm Mạnh H làm trong hạn luật định. Xét kháng nghị số 11310/QĐ-VKS- DS ngày 28/10/2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh làm trong hạn luật định.

Xét nội dung kháng nghị của Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và xét kháng cáo của ông Phạm Mạnh H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét cả hai giấy tay mua bán đất của bà T ngày 07/5/1998 và của ông H ngày 05/9/2001 với ông Năng đều ghi đất mua bán thuộc một phần thửa 295 nằm trong diện tích đất 2111 m^2 đất tờ bản đồ số 16 xã H, huyện C. Tại thời điểm mua bán các đương sự chưa ghi rõ số thửa.

Xét giấy mua bán tay của bà T ngày 07/03/1998 có diện tích là 4,1m x18m =73m^2 nằm trong diện tích 2.111 m^2 thuộc thửa 295 tờ bản đồ số 16 xã H. Căn cứ vào bản vẽ lập ngày 20/05/2006 và kiểm tra nội nghiệp ngày 22/05/2006 Uỷ ban nhân dân Quận T cấp giấy chứng nhận số H: 01156 ngày 29/09/2009 ghi rõ: "...thuộc một phần thửa 36, 37 tờ bản đồ số 112(theo tài liệu năm 2005) thể hiện là đất trống".

Xét phần đất của ông H mua giấy tay ngày 05/9/2001 có chữ ký của ông N đề diện tích là 4m x 18m = 72 m^2. Phần đất này chưa xin cấp giấy chứng nhận, nhưng ông H đã làm nhà từ 2003, được cấp số nhà, ở ổn định 20 năm nay không hề có tranh chấp. Tại bản vẽ ngày 31/10/2019 do Trung tâm đo đạc bản đồ- Sở tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh thửa đất là thửa 35-1 và 35-2 (theo tài liệu 2005).

Như vậy, thửa đất cấp giấy chứng nhận cho bà T và thửa đất ông H đang sử dụng trên bản vẽ thể hiện theo tài liệu 2005 có số thửa khác nhau. Thửa đất của nhà bà T là một phần thửa 36, 37 tờ bản đồ số 112(theo tài liệu năm 2005), thửa đất nhà ông H là 35-1 và 35-2 (theo tài liệu 2005). Bà T khởi kiện đòi lại đất thì cần xác minh thửa 36, 37 theo tài liệu năm 2005 đất theo giấy chứng nhận Ủy ban nhân dân quận T cấp hiện nay nằm vị trí nào? Cần thẩm định tứ cận thửa đất tranh chấp là các thửa đất nào? Cần xác minh cơ quan có thẩm quyền về việc có sự khác nhau số thửa khi cấp giấy chứng nhận 36, 37 và số thửa hiện tại là 35-1 và 35-2 cùng tài liệu năm 2005 để xác định hai thửa trên là hai thửa khác nhau hay hai thửa trên là một. Ngoài ra, trong trường hợp xác định phần đất tranh chấp là của bà T thì cần xác minh căn nhà của ông H có được phép tồn tại trên đất hay không? Cần tiến hành thẩm định giá để trả lại giá trị nhà. Tại phiên tòa phúc thẩm ông H có yêu cầu giám định chữ ký và chữ viết tên ông N trong giấy mua bán tay ngày 05/09/2001, hiện nay bản chính ông đang giữ. Đây là yêu cầu mới cần phải giám định để đảm bảo quyền cho đương sự.

Để đảm bảo các chứng cứ được xác minh, thu thập và đánh giá một cách toàn diện, đúng trình tự thủ tục tố tụng. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ những vấn đề trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Hội đồng xét xử đồng ý với Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, chấp nhận kháng nghị số 11310/QĐ-VKS- DS ngày 28/10/2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Mạnh H, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Quận T giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên án phí phúc thẩm ông H không phải nộp. Hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho ông H theo biên lai thu số 0062143 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Bình Tân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận kháng nghị số 11310/QĐ-VKS- DS ngày 28/10/2020 Viện Trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Mạnh H.

Hủy bản án sơ thẩm số 471/2020/DS-ST ngày 28/09/2020 của Tòa án nhân dân Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Quận Bình Tân giải quyết theo thủ tục chung.

Án phí Dân sự sơ thẩm: Sẽ được giải quyết khi vụ án tiếp tục.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) cho ông Phạm Mạnh H theo biên lai thu số 0062143 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Lan Hương	**Đỗ Thị Hòa**	**Phạm Thị Nhung**

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Quận Bình Tân;
- Chi cục THADS Quận Bình Tân;
- Cục THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN		**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
Nguyễn Thị Lan Hương	**Đỗ Thị Hòa**	**Phạm Thị Nhung**